

GIẢI ĐỀ THI THẬT IELTS WRITING TASK 2 NGÀY 2/11/2024

Chúng mình hãy cùng tham khảo bài viết mẫu của giáo viên tại Ielts Target với chủ đề: When asked to choose between a life without work and working most of the time, people would always choose not to work. Do you agree or disagree with this statement?

1. PHÂN TÍCH ĐỀ BÀI

1.1. Đề bài:

When asked to choose between a life without work and working most of the time, people would always choose not to work. Do you agree or disagree with this statement?

(Nếu phải chọn giữa một cuộc sống không làm việc và một cuộc sống dành phần lớn thời gian để làm việc, hầu hết mọi người sẽ luôn chọn không làm việc. Bạn đồng ý hay không đồng ý với nhận định này?)

1.2. Phân tích đề bài

Dạng bài: Agree or disagree

Phân tích yêu cầu đề bài:

Đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ quan điểm về nhận định: "Mọi người sẽ luôn chọn một cuộc sống không có trách nhiệm công việc hơn là một cuộc sống mà công việc chiếm phần lớn thời gian." Có hai phần cần tập trung:

1. **Thể hiện quan điểm cá nhân** (đồng ý hoặc không đồng ý) về nhận định rằng đa số người sẽ chọn không làm việc nếu được phép.
2. **Giải thích lý do** cho quan điểm đó, đề cập đến các khía cạnh tài chính, tâm lý (sự thỏa mãn cá nhân), và yếu tố căng thẳng liên quan đến công việc.

Dàn bài chi tiết:

Mở bài

- Giới thiệu nhận định rằng nhiều người sẽ chọn cuộc sống không phải làm việc hơn là cuộc sống bận rộn với công việc.
- Nêu quan điểm cá nhân: phần lớn không đồng ý với nhận định này, vì những lợi ích mà công việc mang lại về mặt tài chính và tinh thần, dù căng thẳng công việc có thể là một yếu tố ảnh hưởng.

Thân bài

Luận điểm 1: Lợi ích tài chính từ công việc

- **Ý chính:** Công việc mang lại thu nhập ổn định, giúp con người duy trì cuộc sống và hỗ trợ gia đình.
- **Giải thích:** Lương tháng và các lợi ích khác không chỉ giúp mọi người có điều kiện sống ổn định mà còn là nguồn lực để chăm sóc gia đình.
- **Dẫn chứng:** Đa số mọi người nhận thức được sự khó khăn về tài chính nếu không có công việc, vì vậy họ ít có khả năng lựa chọn cuộc sống không làm việc.

Luận điểm 2: Công việc mang lại ý nghĩa và sự thỏa mãn cá nhân

- **Ý chính:** Công việc mang lại cho nhiều người cảm giác mục đích và giá trị trong cuộc sống.
- **Giải thích:** Nhiều người tìm kiếm ý nghĩa trong cuộc sống thông qua nghề nghiệp, giúp họ cảm thấy bản thân có giá trị và cuộc sống có mục tiêu rõ ràng.
- **Dẫn chứng:** Ví dụ, lính cứu hỏa cảm thấy tự hào khi cứu người, giáo viên thấy thỏa mãn khi học sinh của họ thành công.

Luận điểm 3: Ảnh hưởng của căng thẳng công việc

- **Ý chính:** Căng thẳng công việc cũng là một yếu tố khiến một số người muốn sống mà không cần làm việc.
- **Giải thích:** Áp lực công việc lớn khiến một số người muốn từ bỏ nghề nghiệp để tìm kiếm cuộc sống tự do và ít căng thẳng hơn.
- **Dẫn chứng:** Một số người trẻ ở Nhật Bản đã chọn lối sống tự cung tự cấp ở nông thôn, giúp cải thiện sức khỏe tinh thần và tránh xa áp lực công việc.

Kết bài

Khẳng định lại quan điểm: Phần lớn không đồng ý với nhận định rằng mọi người sẽ chọn không làm việc, vì công việc mang lại cả thu nhập và sự thỏa mãn cá nhân.

Đưa ra đề xuất: Cân bằng giữa trách nhiệm nghề nghiệp và cuộc sống cá nhân là cách tốt nhất để có một cuộc sống trọn vẹn và ý nghĩa.

2. BÀI MẪU (SAMPLE ANSWER)

It is sometimes argued that, given the choice, most people would prefer a life free of work responsibilities over one dominated by a career. However, I largely disagree with this assumption due to the financial security and personal fulfillment that employment often brings, although it is true that work-related stress can influence preferences.

The primary reason I dispute the idea that people would universally prefer not to work is the financial stability that employment provides. Income from monthly salaries and other benefits not only allows individuals to support themselves but also enables them to provide for their families. Given that financial security is a major concern for most people, it seems unlikely that the majority would willingly forgo a job, knowing the potential financial hardships that could result.

In addition to financial motivation, many people find a deep sense of purpose and personal satisfaction in their work. It is common for individuals to pursue careers that align with their values, which brings meaning and structure to their lives. For instance, firefighters experience immense pride from saving lives, and teachers feel a profound sense of accomplishment when their students succeed. Without these roles, many professionals might feel a lack of purpose in their daily lives, leading to a diminished sense of self-worth.

On the other hand, I recognize that the stress associated with certain jobs can drive some people to reconsider their career choices. Many individuals, particularly in high-pressure environments, feel overwhelmed by the demands of their roles, prompting them to seek alternative lifestyles. For example, a growing number of young people in Japan are embracing a lifestyle of

minimalism and self-sufficiency, often relocating to rural areas where they report improved mental health, free from the constant pressures of deadlines and office conflicts.

In conclusion, I largely disagree with the view that people would prefer a life without work. While job-related stress is a valid concern, for many, work is both a crucial source of income and a means of personal fulfillment. I would also suggest that people aim for a balance between professional and personal responsibilities to cultivate a more satisfying and balanced life."

3. TỪ VỰNG NỔI BẬT

Financial stability: sự ổn định tài chính

Financial security: an toàn tài chính

Personal fulfillment: sự thỏa mãn cá nhân

Job-related stress: căng thẳng liên quan đến công việc

Professional commitments: cam kết nghề nghiệp

Financial hardships: khó khăn tài chính

Deep sense of purpose: cảm giác mục đích sâu sắc

Sense of accomplishment: cảm giác thành tựu

High-pressure environments: môi trường áp lực cao

Minimalism: chủ nghĩa tối giản

Self-sufficiency: sự tự túc, tự cấp

Improved mental health: cải thiện sức khỏe tinh thần

Personal responsibilities: trách nhiệm cá nhân

Balanced life: cuộc sống cân bằng

Structure to their lives: cấu trúc cho cuộc sống của họ